

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2
THEO KHUNG THÂM CHIẾU CHÂU ÂU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

(Ban hành kèm theo QĐ số 1152/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi 01/12/2019

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Số vào sổ	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
1	01	TA01	Bùi Thị Ngọc Anh	11/08/1998	Hưng Yên	Nữ	D-THUY6B	16DTY0454	15	46	12	73	A2	A304
2	01	TA02	Đình Tiến Anh	07/02/1998	Thanh Hóa	Nam	D-THUY6A	16DTY0390	19	46	9	74	A2	A305
3	01	TA03	Vũ Mạnh Ba	08/09/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0272	19	50	10	79	A2	A306
4	01	TA04	Nguyễn Văn Cảnh	02/03/1995	Bắc Ninh	Nam	C-THUY18A	17CTY0101	19	49	9	77	A2	A307
5	01	TA05	Bùi Ngọc Chiến	18/07/1990	Thái Bình	Nam	D-QLDD4A	14DQLDD0295	18	51	10	79	A2	A308
6	01	TA06	Trần Thị Kim Cúc	15/12/1999	Bắc Ninh	Nữ	D-QLDD7A	17DQLDD0460	21	51	11	83	A2	A309
7	01	TA07	Hà Duyên Duy	28/09/1999	Hà Nội	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0145	20	56	13	89	A2	A310
8	01	TA09	Trần Quang Đạo	09/07/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0103	19	47	4	70	A2	A311
9	01	TA11	Trần Thị Giang	26/02/1999	Bắc Giang	Nữ	C-THUY18A	17CTY0105	21	51	8	80	A2	A312
10	01	TA12	Nguyễn Xuân Hải	11/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0120	21	50	12	83	A2	A313
11	01	TA13	Hoàng Thị Hạnh	07/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	D-THUY5B	15DTY0340	22	48	9	79	A2	A314
12	01	TA14	Nguyễn Thị Hảo	08/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0007	20	50	10	80	A2	A315
13	01	TA15	Đỗ Thị Hiền	25/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0008	21	51	6	78	A2	A316
14	01	TA16	Nguyễn Thị Linh Hiệp	03/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0009	21	50	13	84	A2	A317
15	01	TA17	Nguyễn Trung Hiếu	18/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0121	23	54	9	86	A2	A318
16	01	TA18	Trần Minh Hoàn	23/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV5A	15DBVTV0003	22	50	10	82	A2	A319
17	01	TA19	Đỗ Minh Hoàng	12/11/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0287	20	47	11	78	A2	A320
18	01	TA20	Nguyễn Văn Hoàng	22/02/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0010	19	50	9	78	A2	A321
19	02	TA21	Lê Tiến Hùng	04/07/1999	Đồng Nai	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0124	18	54	6	78	A2	A322

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Số vào sổ	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
20	02	TA22	Nguyễn Thị Huyền	26/11/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0148	18	52	8	78	A2	A323
21	02	TA23	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0149	17	53	11	81	A2	A324
22	02	TA24	Phan Thị Thu Huyền	25/02/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0289	16	48	8	72	A2	A325
23	02	TA25	Nguyễn Trọng Huynh	17/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0345	18	49	5	72	A2	A326
24	02	TA26	Mã Huy Khanh	20/07/1998	Lạng Sơn	Nam	D-KHCT6A	16DCNTY0021	18	52	8	78	A2	A327
25	02	TA27	Lê Duy Khánh	05/11/1998	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0011	19	53	13	85	A2	A328
26	02	TA28	Nguyễn Xuân Duy Khánh	24/11/1997	Bắc Giang	Nam	D-BVTV6A	15DBVTV0005	17	50	3	70	A2	A329
27	02	TA29	Vũ Thị Khánh	02/09/1998	Hải Dương	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0318	18	50	7	75	A2	A330
28	02	TA30	Nguyễn Phi Kiên	01/09/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0107	17	48	8	73	A2	A331
29	02	TA31	Giáp Danh Lam	01/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0474	17	51	4	72	A2	A332
30	02	TA32	Trần Văn Lâm	19/11/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0294	18	48	6	72	A2	A333
31	02	TA33	Trần Tú Linh	06/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16ĐBCLTP0002	18	49	9	76	A2	A334
32	02	TA34	Mai Văn Lợi	16/04/1998	Cần Thơ	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0012	18	50	12	80	A2	A335
33	02	TA35	Dương Văn Lý	30/08/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0298	17	47	9	73	A2	A336
34	02	TA36	Phạm Văn Mạnh	27/05/1997	Ninh Bình	Nam	D-THUY6A	16DTY0425	17	50	5	72	A2	A337
35	02	TA37	Lương Thúy Minh	16/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0139	17	51	10	78	A2	A338
36	02	TA39	Vũ Hải Nam	10/01/1994	Bắc Giang	Nam	C-QLDD16A	15CQLDD0634	19	44	9	72	A2	A339
37	02	TA40	Nguyễn Văn Nươn	18/05/1998	Thái Bình	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0029	19	48	6	73	A2	A340
38	03	TA41	Bùi Thị Nươn	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0024	11	52	9	72	A2	A341
39	03	TA42	Vì Thị Nươn	18/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KHCT8A	18DKHCT0136	18	53	12	83	A2	A342
40	03	TA43	Dương Thời Quyết	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	17	45	8	70	A2	A343
41	03	TA44	Lừu Thị Sen	28/08/1998	Quảng Ninh	Nữ	D-THUY6B	16DTY0495	15	51	10	76	A2	A344
42	03	TA45	Nguyễn Hà Sơn	20/10/1995	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0368	20	44	8	72	A2	A345
43	03	TA46	Nguyễn Ngọc Sơn	14/01/1996	Hà Nội	Nam	D-QLTNR5A	15DQLTNR0062	18	45	8	71	A2	A346
44	03	TA47	Vũ Trung Thành	03/10/1998	Hải Dương	Nam	D-THUY6B	16DTY0499	18	53	9	80	A2	A347
45	03	TA48	Nguyễn Văn Thao	04/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0438	17	49	6	72	A2	A348

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Số vào sổ	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
46	03	TA49	Phạm Thị Thảo	20/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0014	18	50	11	79	A2	A349
47	03	TA50	Dương Văn Thạo	11/07/1994	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0111	18	53	10	81	A2	A350
48	03	TA51	Trần Văn Thi	19/09/1998	Hải Dương	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0015	18	55	6	79	A2	A351
49	03	TA52	Vì Đức Thịnh	15/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLDD6A	16DQLTN0451	17	41	12	70	A2	A352
50	03	TA53	Vũ Tiến Thịnh	14/01/1998	Yên Bái	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0127	19	47	9	75	A2	A353
51	03	TA55	Hoàng Anh Tiến	20/03/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6A	16DTY0440	19	53	7	79	A2	A354
52	03	TA56	Trần Quốc Toàn	28/03/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0508	19	50	11	80	A2	A355
53	03	TA57	Nguyễn Thị Trang	10/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0375	18	51	8	77	A2	A356
54	03	TA58	Dương Minh Trọng	22/08/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0113	16	50	6	72	A2	A357
55	03	TA59	Lê Xuân Trường	26/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0501	18	49	8	75	A2	A358
56	03	TA60	Hoàng Anh Tùng	11/10/1997	Hưng Yên	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0129	18	45	11	74	A2	A359

Tổng số thí sinh theo danh sách: 56

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

Nghiêm Xuân Đạt

Bắc Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng thi

Phó Hiệu trưởng

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tuấn Điệp